Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2479 /QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 31 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 01/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 07 tháng 8 năm 2026);

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 06/8/2026);

Thực hiện Kế hoạch số 412/KH-UBND ngày 16/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 256 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên *(có danh mục chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính tại Điều 1; công khai, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện và kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục khi có thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC(NTVA).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Văn Cương

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CHO DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 2479 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
I	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**						
1	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
2	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
3	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
4	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
5	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
6	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
7	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
8	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
		khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)					
9	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
10	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
11	2.002338	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
12	2.002339	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
13	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
14	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
15	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
16	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
17	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
18	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
19	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
20	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
21	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
22	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
23	2.001062	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc BVTV nhập khẩu	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
24	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
25	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
26	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
27	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
28	1012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
29	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	Quyết định số 2195/QĐ-CTUBND ngày 29/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính cho người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã (Quyết định số 2195/QĐ-CTUBND)
30	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	Quyết định số 2195/QĐ-CTUBND
31	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	Quyết định số 2195/QĐ-CTUBND
32	1.014958	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	Quyết định số 731/QĐ-SNNMT ngày 11/9/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
							trong lĩnh vực tài nguyên nước, chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (Quyết định số 731/QĐ-SNNMT)
33	1.011033	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
34	1.011030	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
35	3.000125	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi cấm xuất khẩu	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
36	1.014948	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
37	1.014741	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
38	1.014743	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
39	1.014951	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	Quyết định số 731/QĐ-SNNMT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
40	1.014952	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	Quyết định số 731/QĐ-SNNMT
41	1.014953	Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	Quyết định số 731/QĐ-SNNMT
42	1.014954	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	Quyết định số 731/QĐ-SNNMT
43	1.004756	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
44	2.001064	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
45	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
46	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
47	1.014778	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
48	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
49	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
50	1.014777	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
51	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
52	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
53	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
54	1.014779	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
55	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
56	2.001872	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
57	1.003026	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
58	1.002992	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
59	2.001558	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
60	2.001515	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
61	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
62	1.002571	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
63	1.011478	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
64	1.011475	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)	Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
65	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
66	1.004794	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
67	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
68	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
69	2.001694	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
70	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
71	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
72	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
73	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
74	1.004913	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thuỷ sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
75	1.004692	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
76	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
77	1.003666	Cấp, cấp lại GCN nguồn gốc thuỷ sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
78	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
79	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phụ vụ nuôi trồng thuỷ sản	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
80	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thuỷ sản	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
81	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
82	1.004929	Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
83	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
84	1.003741	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
85	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
86	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
87	2.002819	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	Thủy sản	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
88	1.012735	Hiệp thương giá	Quản lý giá	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Một phần	
89	2.001576	Công nhận tiến bộ kỹ thuật	Khoa học và Công nghệ	Chi cục Nông nghiệp	Chi cục Nông nghiệp	Toàn trình	
90	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
91	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
92	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
93	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
94	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
95	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
96	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
97	2.001738	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
98	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành.	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
99	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
100	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
101	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
102	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
103	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
104	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
105	2.002835	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
106	1.014716	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
107	1.013799	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	Tài nguyên nước	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	Quyết định số 731/QĐ-SNNMT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
108	1.014847	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
109	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
110	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
111	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
112	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
113	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
114	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
		vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh					
115	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
116	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
117	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
118	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
119	1.003867	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
120	2.001804	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
121	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
122	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
123	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
124	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
125	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
126	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
127	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
128	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
129	1.014129	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
130	1.014136	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
131	1.014131	Thay đổi thành phần tham gia dự án	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
132	1.014132	Hủy đăng ký dự án	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Toàn trình	
133	1.014133	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
134	2.002848	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
135	2.002849	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon	Biến đổi khí hậu	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
136	1.014605	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục kiểm lâm	Một phần	
137	3.000198	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục kiểm lâm	Một phần	
138	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
139	1.007916	Nộp tiền trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
140	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục kiểm lâm	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
141	1.014836	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
142	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
143	1.000084	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
144	1.014837	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
145	1.000081	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
146	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
147	1.014839	Giao rừng cho thuê rừng rừng khi đã giao đất, cho thuê đất rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
148	1.014838	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
149	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của	Kiểm lâm	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
		Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh					
150	1.012692	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc tẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh	Kiểm lâm	HĐND tỉnh	UBND tỉnh	Một phần	
151	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
152	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
153	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm đinh điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
154	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục kiểm lâm	Một phần	
155	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục kiểm lâm	Một phần	
156	1.011470	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
157	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
158	1.000058	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng nằm trong phạm vi 01 tỉnh)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
159	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
160	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
161	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
162	3.000496	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục kiểm lâm	Một phần	
163	1.115239	Đăng ký điều chỉnh dự án các-bon rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
164	1.115235	Hủy đăng ký dự án các-bon rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
165	1.115237	Cấp tín chỉ các-bon rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
166	1.014630	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
167	1.008672	Phê duyệt khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên (phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ)		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
168	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
169	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
170	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
171	1.004096	Gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
172	1014833	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
173	1.004117	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
174	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
175	1.003712	Công nhận nghề truyền thống		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
176	1.003695	Công nhận làng nghề		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
177	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
178	1.012534	Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị triển khai trên địa bàn từ 02 xã (phường) trở lên trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp		UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
179	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
180	2.00173	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
181	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
182	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
183	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
184	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
185	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
186	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
187	1.003814	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Chi cục Phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác	Chi cục Phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác	Toàn trình	
188	2.001604	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường		Chi cục Phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác	Chi cục Phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
189	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
190	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	Môi trường	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
191	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Môi trường	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
192	3.000694	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Một phần	
193	3.000683	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai	Một phần	
194	3.000677	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
195	3.000678	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
196	3.000679	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
197	3.000680	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
198	3.000689	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
199	3.000681	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
200	3.000690	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
201	3.000675	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
202	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Một phần	
II.	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**						
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	
2	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Trồng trọt	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
3	2.002803	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
4	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá	Chăn	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
		nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	nuôi			phần	
5	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
6	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thuỷ sản	UBND cấp xã	UBND cấp xã	một phần	
7	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng(thuộc địa bàn quản lý)	Thuỷ sản	UBND cấp xã	UBND cấp xã	một phần	
8	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Thuỷ sản	UBND cấp xã	UBND cấp xã	một phần	
9	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thuỷ sản	UBND cấp xã	UBND cấp xã	một phần	
10	1.004.656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thuỷ sản	UBND cấp xã	UBND cấp xã	một phần	
11	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Thuỷ sản	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	
12	1.001662	Đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
13	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
14	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu,vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
15	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
16	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
17	1.014.852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
18	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Toàn trình	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
19	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
20	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
21	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
22	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
23	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
24	2.001.627	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
25	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
26	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
27	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
28	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
29	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
30	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm	Hạt kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm	Một phần	
31	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Kiểm lâm	Hạt kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm	Một phần	
32	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	UBND xã	UBND cấp xã	Một phần	
33	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại		UBND xã	UBND cấp xã	Một phần	
34	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		UBND xã	Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
35	3.000611	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
36	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)		UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
37	1.012535	Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị triển khai trên địa bàn 01 xã (phường) trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp		UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
38	1.012536	Phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất cộng đồng		UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
39	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo; hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
40	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
41	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
42	1.011608	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
43	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
44	1.116214	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
45	1.116215	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai	Giảm nghèo	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
		đoạn 2027-2030					
46	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
47	3.000706	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
48	3.000707	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
49	3.000708	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
50	3.000709	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các 5xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Cơ quan thực hiện	Mức độ DVCTT	Ghi chú
		ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở					
51	3.000713	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
52	3.000710	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
53	3.000711	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	Đất đai	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	
54	3.000723	Nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợthực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệptheo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Nông nghiệp	UBND cấp xã	UBND cấp xã	Một phần	